TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 552/2024/HS-PT
Ngày 11 tháng 7 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thanh Duyên

Bà Lê Thị Tuyết Trinh

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Dũng - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại phòng xét xử trực tuyến điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh và điểm cầu thành phần Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 146/2024/TLPT-HS ngày 20 tháng 02 năm 2024 đối với bị cáo **Nguyễn Văn N**, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2023/HS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 290/2024/QĐXXPT-HS ngày 23 tháng 4 năm 2024, đối với:

**** Bị cáo có kháng cáo:***

Nguyễn Văn N (còn có tên gọi khác là **Nghĩa N1**), sinh năm 1994 tại thành phố L, tỉnh An Giang; Nơi thường trú: B, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Nơi ở hiện tại: Số B, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 07/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Đảng, đoàn: Không; Con ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị Mỹ L; Vợ, con: Chưa có; Nhân thân: Ngày 25 tháng 11 năm 2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xử phạt 08 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"*. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26 tháng 4 năm 2019; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 06 tháng 02 năm 2023 cho đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh A (bị cáo có mặt tại phiên tòa điểm cầu thành phần).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn N: Luật sư Mai Xuân T1 - Văn

phòng L4, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh A (có mặt).

**** Bị hại:***

1. Hồ Thị Trúc L1, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Tổ G, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (đã chết);

Đại diện hợp pháp của bị hại Hồ Thị Trúc L1: Ông Trần Văn C, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Tổ G, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

2. Trần Thị Trúc L2, sinh năm 1994 (vắng mặt);

3. Trần Thị Trúc Đ, sinh năm 1995 (vắng mặt);

4. Huỳnh Văn N2, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Số B, tổ G, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1969 (vắng mặt);

2. Lê Tấn T2, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Cùng cư trú: Số B, tổ G, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

3. Lê Thị An T3, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Số B, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (vắng mặt).

**** Người làm chứng:*** Trần Thị Bé C1; Trần Văn K; Trần Thùy T4; Lê Nguyễn Thu H; Đoàn Văn K1; Ngô Thị Diễm T5 (vắng mặt).

(Người đại diện hợp pháp của bị hại Hồ Thị Trúc L1; các bị hại còn lại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo nên Tòa không triệu tập)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ, ngày 03 tháng 02 năm 2023, Lê Thị Mỹ L (sinh năm 1969; Nơi cư trú: Số B, tổ G, khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang) đến nhà Hồ Thị Trúc L1 (sinh năm 1974; Nơi cư trú: Cùng xóm) để nói chuyện với L1 và Trần Thị Trúc Đ (con ruột của L1) việc liên quan đến tiền chơi hụi dẫn đến xảy ra cự cãi, đánh nhau thì được Huỳnh Văn N2 (con rể của L1), Lê Nguyễn Thu H, Trần Văn K can ngăn đưa L về nhà. Đến khoảng 19 giờ 15 phút cùng ngày, Nguyễn Văn N (con ruột của L) nghe tin L bị gia đình L1 đánh, nên nảy sinh ý định mua xăng đến nhà L1 châm lửa đốt trả thù. Để thực hiện, N điều khiển xe mô tô hiệu Honda Scoopy, biển số 67B2 - 497.94 đến tiệm sửa xe của Nguyễn Văn S ở tổ A, khóm T, phường M, thành phố L (gần cầu N) mua 01 lít xăng đựng trong chai nhựa (loại 01 lít) rồi điều xe mô tô đến nhà của L1. Tại đây, N dựng xe mô tô cặp lề đường cách nhà L1 khoảng 05 mét, rồi xuống xe mô tô, tay trái cầm chai xăng mở nắp đi đến trước cổng rào. Lúc này, L1 đang ở

trước sân nhà, hướng mặt nhìn ra ngoài đường nói chuyện với Trần Thùy T4 (ngụ cùng xóm), đứng cạnh bên L1 còn có: Trần Thị Trúc Đ, Trần Thị Trúc L2 (con ruột L1) và N2. N đi đến tạt xăng vào nơi L1 đứng, làm xăng rơi trúng vào người L1, trúng vào chân của N2, Đ và L2, rồi dùng hộp quẹt ga bật lửa đốt. Khi thấy lửa trên người L1 bốc cháy, N bỏ chạy thì bị Trần Văn K ngăn cản, đánh nhau với N, nhưng N chống trả lại và trốn khỏi hiện trường. L1 được mọi người dập lửa, đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đ1. Do chuyển biến nặng, L1 được chuyển đến Bệnh viện C3 tại Thành phố Hồ Chí Minh điều trị; đến ngày 18 tháng 02 năm 2023, L1 chết, riêng N2, Đ, L2 chỉ bị cháy gây thương tích ở các chân trái và chân phải.

Ngày 04 tháng 02 năm 2023, N bị khởi tố, điều tra.

+ Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 66/23/TT ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh A, đối với Hồ Thị Trúc L1, sinh năm 1974, kết luận:

1. Các kết quả chính qua giám định:

- Bỏng độ II – III vùng cổ, ngực, bụng, lưng, mông, viêm tấy đỏ, hoại tử sâu, tiết dịch; Bỏng độ II – III mặt trước trong sau cánh – cẳng tay phải, viêm tấy đỏ, hoại tử sâu, tiết dịch; Bỏng độ II – III mặt trước trong sau cánh – cẳng tay trái, viêm tấy đỏ, hoại tử sâu, tiết dịch; Bỏng độ II – III toàn bộ chân phải và trái, hoại tử sâu, tiết dịch, màu vàng sẫm.

2. Nguyên nhân chết: Sốc nhiễm trùng, nhiễm độc do bỏng diện tích khoảng 65% độ II – III toàn thân (BL 77-79).

+ Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 180, số A, số 182 ngày 10 tháng 3 năm 2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh A, kết luận đối với:

1. Trần Thị Trúc L2, sinh năm 1994:

***** Các kết quả chính: Sẹo bỏng mắc cá trong bàn chân phải, kích thước (6.5 x 0.4) cm: diện tích 1% diện tích cơ thể, sẹo không ảnh hưởng đến điều tiết và thẩm mỹ.

Kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Trần Thị Trúc L2 tại thời điểm giám định là 01%. Kết luận khác: Cơ chế hình thành thương tích do bỏng nhiệt gây nên.

2. Trần Thị Trúc Đ, sinh năm 1995:

***** Các kết quả chính: Xây xát cạnh mũi phải, để lại vết biến đổi sắc tố da, kích thước (0.5 x 0.1)cm: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 01%, cơ chế hình thành thương tích do vật tày gây nên; Xây xát má trái không tồn tại: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 00%, cơ chế hình thành thương tích do vật tày gây nên; Sẹo mu bàn chân phải, kích thước (1.5 x 0.5) cm, sẹo phẳng, mờ, gần tiệp màu da lành: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 01%, cơ chế hình thành thương tích do bỏng nhiệt gây nên; Vết bỏng mặt lưng ngón II bàn chân không tồn tại: tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 00%, cơ chế hình thành thương tích do bỏng nhiệt gây nên.

Kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Trần Thị Trúc Đ là 02%.

3. Huỳnh Văn N2, sinh năm 1988:

* Các kết quả chính: Sẹo bỏng mặt trước 1/3 giữa cẳng chân trái, kích thước (2.5 x 0.6) cm: diện tích dưới 1% diện tích cơ thể, sẹo không ảnh hưởng đến điều tiết và thẩm mỹ; Sẹo bỏng không liên tục mặt ngoài 1/3 giữa cẳng chân trái, kích thước (10 x 03) cm: diện tích dưới 1% diện tích cơ thể, sẹo không ảnh hưởng đến điều tiết và thẩm mỹ; Sẹo bỏng mặt trước 1/3 dưới cẳng chân trái, kích thước (1.3 x 01) cm: diện tích dưới 1% diện tích cơ thể, sẹo không ảnh hưởng đến điều tiết và thẩm mỹ.

Kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên của Huỳnh Văn N2 là 03%. Kết luận khác: Cơ chế hình thành thương tích do bỏng nhiệt gây nên (BL 159-161; 181-183; 205-207).

+ Căn cứ Kết luận giám định số 1264/KL-KTHS ngày 21 tháng 02 năm 2023 của Phân viện Khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: 01 mảnh nhựa bị biến dạng đựng trong 01 túi nylon được niêm phong gửi giám định có tìm thấy thành phần của Xăng (BL 145).

** Về trách nhiệm dân sự:* Ông C đã nhận 160.000.000 đồng do gia đình N bồi thường, yêu cầu N bồi thường thêm 187.170.000 đồng tiền chi phí điều trị, mai táng, tổn thất tinh thần và L2 yêu cầu N bồi thường 5.000.000 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 75/2023/HS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội *"Giết người"*.

Căn cứ Điều 40; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N tử hình về tội *"Giết người"*.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về án phí, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự; quyền và nghĩa vụ, lãi suất trong thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, bị cáo Nguyễn Văn N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung kháng cáo: Án sơ thẩm phạt bị cáo tử hình về tội *"Giết người"* là quá nặng, nên bị cáo kháng cáo xin Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Bị cáo Nguyễn Văn N có kháng cáo, trình bày: Giữ nguyên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo thừa nhận có tạt xăng vào người bị hại L1, rồi quăng bỏ chai xăng tại nơi bị hại đứng và ngay sau đó dùng hộp quẹt ga bật lửa đốt. Bị cáo cho rằng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử cấp sơ thẩm không xem xét hành vi của bị hại Trần Thị Trúc L3 nhốt mẹ của bị cáo là bà Lê Thị Mỹ L để đánh; không làm rõ động cơ, mục đích của bị hại L3 nhốt mẹ bị cáo. Đây là

nguyên nhân gây bức xúc dẫn đến bị cáo có hành vi phạm tội. Bị cáo mua xăng loại 01 lít, miệng chai xăng nhỏ, bị cáo tạt theo chiều từ dưới lên có tính chất hăm dọa, hoàn toàn không có mục đích tạt xăng nhiều người, nên lượng xăng ra khỏi chai xăng không nhiều nhưng quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không dựng lại hiện trường để làm rõ. Vì thế, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của bị cáo để bị cáo có cơ hội sống, làm lại cuộc đời, lo cho cha mẹ già.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm giải quyết vụ án*:**

Tòa sơ thẩm tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn N phạm tội *"Giết người"*, theo điểm a, điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là đúng người, đúng tội, không oan, sai. Khi quyết định hình phạt, Tòa sơ thẩm đã xem xét, đánh giá toàn diện chứng cứ và cho bị cáo hưởng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ như thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo tự ra đầu thú; gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường cho gia đình bị hại L3 số tiền 160.000.000 đồng; tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo và gia đình bị hại đã thỏa thuận với nhau về việc bồi thường thiệt hại phần còn lại. Đây là các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tuy nhiên, hành vi của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, phạm tội với tình tiết định khung tăng nặng *"Giết 02 người trở lên"*, *"Có tính chất côn đồ"* quy định tại điểm a, điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự, theo đó, mức án tử hình mà Tòa sơ thẩm tuyên là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn N, giữ nguyên án sơ thẩm.

- Luật sư Mai Xuân T1 bào chữa cho bị cáo, trình bày: Sau khi xét xử sơ thẩm, dù hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng bị cáo đã tác động và gia đình khắc phục thêm cho gia đình bị hại số tiền 70.000.000 đồng, chứng tỏ bị cáo thật sự ăn năn, hối cải. Cấp sơ thẩm không làm rõ động cơ, mục đích của bị hại L3 khóa cửa nhốt mẹ bị cáo là bà L để đánh, vì đây là nguyên nhân trực tiếp khiến bị cáo N bức xúc dẫn đến hành vi phạm tội. Chai xăng bị cáo mua là chai loại 01 lít bằng nhựa, miệng chai nhỏ, bị cáo vẩy từ dưới lên nên lượng xăng ra khỏi chai không nhiều, nhưng Cơ quan điều tra không dựng lại hiện trường để xác định có khả năng giết nhiều người hay không. Hành vi của bị cáo chỉ mang tính chất hăm dọa bị hại, không có ý thức giết người hay giết nhiều người, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính nhân đạo để từ đó chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối đáp*:** Giữ nguyên quan điểm như nêu trên, theo lời bào chữa của Luật sư thì gia đình bị cáo đã bồi thường thêm cho đại diện bị hại số tiền 70.000.000 đồng nhưng đây là tình tiết giảm nhẹ tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà Tòa sơ thẩm đã áp dụng, tình tiết này không phải là tình tiết giảm nhẹ mới, nên

không đủ căn cứ để chấp nhận kháng cáo. Vì thế, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo.

Lời nói sau cùng, bị cáo Nguyễn Văn N xin Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

***Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau*:**

[1] Trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm cùng Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng nên các quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

- Kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N còn trong hạn luật định và hợp lệ nên được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư cùng bị cáo cho rằng Cơ quan điều tra chưa làm rõ hành vi khóa cửa nhốt và đánh bà L (mẹ của bị cáo). Hành vi này của bị hại là nguyên nhân chính khiến bị cáo bức xúc, nên dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo. Chai xăng bị cáo N mua là chai loại 01 lít bằng nhựa, miệng chai nhỏ, do đó bị cáo vẫy từ dưới lên hoặc vẩy bất cứ tư thế nào thì lượng xăng ra khỏi can cũng không nhiều. Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không dựng lại hiện trường để làm rõ vì hành vi của bị cáo chỉ mang tính hăm dọa bị hại, bị cáo không có ý định giết người.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Điều 204 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định: *"Thực nghiệm điều tra: 1. Để kiểm tra, xác minh tài liệu, tình tiết có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra có thể thực nghiệm điều tra bằng cách dựng lại hiện trường, diễn lại hành vi, tình huống hoặc những tình tiết khác của một sự việc nhất định và tiến hành các hoạt động thực nghiệm cần thiết ...".*

Như vậy, theo quy định nêu trên thì luật không quy định cụ thể những vụ án nào sẽ thực nghiệm hiện trường, mà những vụ án cần kiểm tra, xác minh tài liệu, tình tiết có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án, Cơ quan điều tra sẽ xem xét thực nghiệm hiện trường. Trong vụ án này, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều nhìn thấy lửa cháy, có tham gia dập lửa và đều xác nhận bị hại L3 chết là do bị đốt; các bị hại còn lại gồm chị Đ, chị L2, anh N2 bị thương tích trên cơ thể là do bị bỏng. Quá trình điều tra, bị cáo đều thừa nhận là do bị cáo dùng xăng tạt vào người bị hại, rồi dùng hộp quẹt ga bật lửa đốt. Chứng cứ lửa cháy trên cơ thể người bị hại là rõ ràng, nên việc thực nghiệm điều tra bằng cách dựng lại hiện trường là hoàn toàn không cần thiết.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, bị cáo đều thừa nhận: Khoảng 17 giờ, ngày 03 tháng 02 năm 2023, bị cáo đi nhậu với bạn tên H1 ở Thành phố Hồ Chí Minh; đến khoảng 19 giờ trên đường đi về nhà thì có người điện thoại cho bị cáo nói là mẹ bị cáo bị gia đình bà L3 đánh; nghe xong bị cáo tắt điện thoại và chạy đến cầu N, thấy tiệm sửa xe có bán xăng lẻ nên bị cáo mua bình xăng 01 lít bằng nhựa và chạy về hướng nhà bà L3. Khi đến nhà bà L3, bị cáo dừng xe đậu trước cửa nhà bà L3 cách bà L3 khoảng 04m. Lúc này, bà L3 đang đứng trước cửa rào, bị cáo vặn nắp bình xăng và bước qua đường đứng cách bà L3 khoảng 01m, tay trái cầm bình xăng và hỏi bà L3 "Làm gì đánh mẹ tao" nhưng không có ai trả lời. Cùng lúc này, bị cáo hất bình xăng thẳng vào người bà L3, ném bỏ bình xăng, tay phải bị cáo móc hộp quẹt ga trong túi quần bên phải và bật lửa đốt làm người bà L3 bốc cháy. Do lúc này bị cáo bị mọi người vây đánh, làm rách áo, nên bị cáo cởi áo, vùng vẫy bỏ chạy về nhà và sau đó bỏ trốn. Đến ngày 06 tháng 02 năm 2023, bị cáo ra đầu thú. Bị cáo xác định chỉ nghe người không biết tên điện thoại nói mẹ bị cáo bị đánh chứ không gặp mẹ bị cáo để hỏi nguyên nhân.

Tại cấp sơ thẩm, bà Lê Thị Mỹ L khai: *"Khoảng 18 giờ ngày 03 tháng 02 năm 2023, tôi đến nhà bà L3 (Hồ Thị Trúc L1) để thỏa thuận về việc cấn trừ tiền hụi chết của L2 (con bà L1) với tiền hụi sống của bà L1. Trong lúc tôi đang nói chuyện với bà L1 và L2 thì Đ (con bà L1, ở kế nhà bà L1) qua nói chuyện, giữa tôi và Đ xảy ra xô xát ngay tại sân nhà bà L1, bà L1 can tôi và Đ. Cùng lúc đó, ông Mười C2 (tên đúng là ông Trần Văn K, chú chồng bà L1) nhà cách nhà bà L1 khoảng 30m, không biết từ đâu đi lại cửa rào nhà bà L1 bóp ổ khóa (do khi tôi lại nhà bà L1, bà L1 kéo cửa lại sẵn và móc ổ khóa ngay chứ chưa bóp khóa, chìa khóa vẫn còn trên ổ khóa) và lấy chìa khóa đi nơi khác, không biết mục đích làm gì, khoảng 05 phút sau có người thân của bà L1 trong nhà ra mở cửa, tôi đi về nhà, tôi không trực tiếp chứng kiến sự việc N dùng xăng đốt bà L1…"* (BL 310, 312, 321)

Như vậy, bị cáo và Luật sư yêu cầu thực nghiệm lại hiện trường, làm rõ mục đích, động cơ nhốt bà L là không có căn cứ chấp nhận. Bởi bà L1 bị đốt là có thật do bị cáo đã thừa nhận hành vi này, phù hợp với các chứng cứ khác. Bị hại không khóa cửa và không đánh bà L mà chỉ can ngăn cũng là có thật, phù hợp với các chứng cứ khác. Bị cáo không tìm hiểu rõ nguyên nhân sự việc, không trực tiếp gặp bà L thì không thể cho rằng bà L bị bị hại đánh là nguyên nhân trực tiếp làm cho bị cáo bức xúc dẫn đến hành vi phạm tội, nên việc Luật sư và bị cáo yêu cầu dựng lại hiện trường và làm rõ hành vi nhốt, đánh bà L là không có căn cứ để chấp nhận.

[2] Đối với hành vi phạm tội của bị cáo, xét:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung án sơ thẩm đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại L1, các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, thủ đoạn, mục đích, động cơ phạm tội và hậu quả

do tội phạm gây ra, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu chứng cứ khác được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án.

Do đó, có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 19 giờ, ngày 03 tháng 02 năm 2023, chỉ vì tức giận khi nghe tin mẹ bị cáo là bà L cự cãi với bị hại L1 và xô xát với gia đình bị hại L1, bị cáo Nguyễn Văn N đã có hành vi dùng xăng là chất cháy nguy hiểm tạt vào người của bị hại Hồ Thị Trúc L1 và những người đang đứng cạnh bị hại L1 gồm Trần Thị Trúc L2, Trần Thị Trúc Đ, Huỳnh Văn N2, rồi dùng quẹt ga, bật lửa đốt đã tước đoạt mạng sống của bị hại L1.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 66/23/TT ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh A, đối với Hồ Thị Trúc L1, kết luận: *"Nguyên nhân chết: Sốc nhiễm trùng, nhiễm độc do bỏng diện tích khoảng 65% độ II – III toàn thân"*. Còn các bị hại L2, Đ, N2 không chết, mà bị thương tích với tỷ lệ thương tật đối với Ly 01%; Đào 01%, N2 03%; việc các bị hại L2, Đ và N2 không chết là do được người dân phát hiện dập lửa, cứu chữa kịp thời. Vì vậy, việc bị cáo và Luật sư cho rằng bị cáo tạt xăng vào người bị hại chỉ nhằm mục đích hăm dọa là hoàn toàn không có căn cứ chấp nhận, bởi việc tạt xăng vào người bị hại rồi châm lửa đốt có khả năng dẫn đến chết người cao, đây là điều bị cáo đương nhiên biết và buộc phải biết.

Bởi các lẽ trên, Tòa sơ thẩm xác định hành vi nêu trên của bị cáo Nguyễn Văn N đã phạm tội *"Giết người"* được quy định tại Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Chỉ vì mâu thuẫn nhỏ nhặt, bị cáo đã có hành vi dùng xăng là chất gây cháy, tạt vào người các bị hại L1, L2, Đ và N2 rồi dùng lửa đốt; do đó, hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp *"Giết 02 người trở lên"*, *"Có tính chất côn đồ"* theo điểm a, điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự (khung hình phạt từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình) là đúng người, đúng tội, không oai, sai.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Hành vi của bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý; động cơ, mục đích của tội phạm là dùng xăng là nhiên liệu gây cháy nguy hiểm cao nhằm tước bỏ tính mạng của người khác, hậu quả xảy ra làm 01 người chết và 03 người khác bị thương tích, những bị hại còn lại không chết là do những nguyên nhân khách quan ngoài ý chí chủ quan của bị cáo. Hành vi phạm tội của bị cáo là đặc biệt nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, tính mạng của người khác một cách trái pháp luật; gây ra đau thương, mất mát cho gia đình bị hại L1; gây ra thương tích cho các bị hại L2, Đ và N2; gây hoang mang dư luận xã hội tại địa phương. Bị cáo đã giết chết bị hại một cách côn đồ, không còn nhân tính, phạm tội trong trường hợp giết 02 người trở lên. Về nhân thân bị cáo, trước khi phạm tội là người có nhân thân xấu, ngày 25 tháng 11 năm 2014, bị Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xử phạt 08 năm tù về tội *"Mua bán trái phép chất ma túy"* (là tội phạm rất nghiêm trọng), chấp hành xong hình phạt tù ngày 26 tháng 4 năm 2019. Sau khi chấp hành án xong, bị cáo đã không tự sửa chữa, cải thiện bản thân, sống lương thiện và có ích cho xã hội, ngược lại bị cáo

tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, phạm tội đặc biệt nghiêm trọng, không thể hiện tính hoàn lương, nên cần phải có một mức hình phạt thật nghiêm khắc đối với bị cáo để góp phần đấu tranh phòng chống tội phạm. Do đó, việc Tòa sơ thẩm buộc bị cáo phải chấp hành mức hình phạt cao nhất của khung hình phạt Viện kiểm sát đã truy tố là có căn cứ và tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo hưởng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ như: Sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại được số tiền 160.000.000 đồng/347.000.000 đồng; sau khi phạm tội đã tự nguyện ra đầu thú theo quy định tại điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Mức hình phạt Tòa sơ thẩm tuyên là tuyên xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại cấp phúc thẩm, Luật sư trình bày bị cáo đã tác động gia đình khắc phục thêm cho đại diện hợp pháp của bị hại L1 số tiền 70.000.000 đồng. Tuy nhiên, đây cũng là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự mà Tòa cấp sơ thẩm đã cho bị cáo hưởng, đây cũng không phải là tình tiết giảm nhẹ mới đặc biệt để làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa; không chấp nhận đề nghị của Luật sư bào chữa; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo; giữ nguyên án sơ thẩm.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải nộp 200.000 đồng tiền án phí.

[5] Quyết định khác của án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn N, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 75/2023/HS-ST ngày 24 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

2. Áp dụng Điều 40; điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, điểm n khoản 1 Điều 123; khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên bố: **Nguyễn Văn N phạm tội *"Giết người"***. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn N hình phạt tử hình.

Bị cáo Nguyễn Văn N bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06 tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Văn N để đảm bảo thi hành án.

3. Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Văn N phải nộp án phí là 200.000 đồng *(hai trăm ngàn đồng).*

4. Quyết định khác của án sơ thẩm về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn N có quyền làm đơn gửi Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam để xin ân giảm án tử hình.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục THADS tỉnh An Giang;
- Công an tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang;
- Trại tạm giam Công an tỉnh An Giang *"để tống đạt cho bị cáo"*;
- Các đương sự;
- Lưu HS (2), VT (5), 22b, (TK-PH).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Tửu